

SỰ MỞ RỘNG VÀ TÍNH ĐA NGUYÊN CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT THỰC DÂN Ở VIỆT NAM THỜI KỲ PHÁP THUỘC

LÊ NGỌC PHÚ*

Ngày nhận bài: 08/10/2024

Ngày phản biện: 26/10/2024

Ngày đăng bài: 24/12/2024

Tóm tắt:

Cuối thế kỷ XIX, sự hình thành và mở rộng của chế độ thực dân tại Đông Dương tạo nên điều kiện thuận lợi cho sự mở rộng của pháp luật thực dân tại Đông Dương. Một mặt, thực dân Pháp áp đặt sự cai trị và pháp luật lên các cộng đồng dân cư tại Việt Nam. Mặt khác, họ lưu giữ trật tự pháp luật hiện có của nhà nước phong kiến ở Việt Nam. Sự mở rộng của hệ thống pháp luật thuộc địa tại Đông Dương tạo nên đa nguyên, đa dạng trong hệ thống pháp luật. Hệ thống pháp luật đa nguyên tạo nên sự phân mảnh và xung đột giữa các hệ thống pháp luật khác nhau. Bài viết nghiên cứu về quá trình mở rộng của pháp luật Pháp tại Việt Nam và tính đa nguyên trong pháp luật dưới thời kỳ Pháp thuộc vào thế kỷ XIX.

Từ khoá:

Mở rộng, pháp luật thực dân, đa nguyên pháp luật, Việt Nam, Đông Dương.

Abstract:

At the end of the 19th century, the formation and expansion of the colonial regime in Indochina brought about significant conditions for the expansion of colonial law in Indochina. On one hand, the French colonizers imposed their rule and legal system on the local communities in Vietnam. On the other hand, they retained traces of the legal order of the existing feudal state in Vietnam. The expansion of the colonial legal system in Indochina led to pluralism and diversity in the legal system. This pluralistic legal system resulted in a fragmented legal system and conflicts between different legal systems. This article examines the process of the expansion of French law in Vietnam and the pluralism in law during the French colonial period in the 19th century.

Keywords:

Expansion, colonial law, legal pluralism, Vietnam, Indochina.

1. Đặt vấn đề

Thế kỷ thứ XIX đánh dấu sự mở rộng của hệ thống pháp luật thực dân Pháp trên lãnh thổ của Việt Nam thông qua áp lực của chiến tranh và những Hiệp ước bất bình đẳng. Những yếu tố pháp lý mới của hệ thống pháp luật Pháp được cấy ghép vào hệ

* ThS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: phuhn@hul.edu.vn

thống pháp luật truyền thống của Việt Nam. Người Pháp tìm cách thay đổi hệ thống pháp luật thông qua việc gán các yêu sách về quyền tài phán của họ với các cộng đồng dân cư hoặc tìm cách làm giảm đi thẩm quyền của chính quyền bản địa. Trong những nỗ lực chống lại sự cai trị của thực dân Pháp, các cộng đồng dân cư tại Đông Dương cũng như chính quyền ở bản địa duy trì những kháng cự nhất định với đối với quá trình áp đặt hệ thống pháp luật mới của người Pháp. Tuy nhiên, sau những biến động chính trị trong nội bộ và những thất bại trong cuộc chiến với người Pháp, triều đình nhà Nguyễn đã chấp nhận nhượng bộ trước những yêu sách của người Pháp đối với quyền cai trị và quyền ban hành pháp luật trên lãnh thổ của Việt Nam.

Sự mở rộng của hệ thống pháp luật thuộc địa đã tạo nên sự đa nguyên của hệ thống pháp luật, trong đó hệ thống pháp luật của chính quyền thực dân được xây dựng bên cạnh hệ thống pháp luật bản địa bao gồm pháp luật do nhà Nguyễn ban hành, tập quán của địa phương và các luật tục. Sau khi Liên bang Đông Dương được hình thành, trật tự hệ thống pháp luật mới được áp dụng lấy nhà nước làm trung tâm trở nên thịnh hành¹, trở thành tiêu chuẩn chung và cho phép sự tồn tại của đa nguyên pháp lý. Cách tiếp cận của chính quyền thực dân Pháp đối với sự tồn tại của nhiều hệ thống pháp luật này cho thấy sự linh hoạt trọng trong quy tắc quản lý khi vẫn cho phép sự tồn tại và áp dụng các luật tục và quy tắc ứng xử của địa phương. Để nhìn nhận hệ thống pháp luật thực dân ở Việt Nam thế kỷ XIX một cách rõ ràng và đầy đủ nhất đòi hỏi phương thức tiếp cận từ việc nhìn nhận hệ thống pháp luật ở Việt Nam thời kỳ pháp thuộc như một hệ thống đa nguyên.

2. Sự mở rộng của hệ thống pháp luật thuộc địa tại Đông Dương

Trước khi chế độ thực dân Pháp được xác lập, hệ thống pháp luật của Việt Nam là hệ thống pháp luật phong kiến theo nguyên tắc “*Tôn quân quyền*”. Hệ thống pháp luật Việt Nam trước quá trình thực dân hoá được xây dựng dựa trên những hệ thống được xây dựng gắn liền với vai trò của Vua, quan lại, cộng đồng làng xã và gia đình². Hệ thống pháp luật truyền thống được xây dựng dựa trên hệ thống quan điểm của Nho giáo về Đạo Đức, Tam cương, Ngũ thường. Trong nhà nước, Các thần dân đều phải

¹ Benton, L. (2002), *Law and colonial cultures: Legal regimes in world history, 1400-1900*, Cambridge University Press, Anh, tr18.

² Briesen, D. (2017), The French “État legale” in Vietnam. Between Legal Pluralism and Police State, von Alemanni, U., Quoc Khanh, L., & Briesen, D. (2017). *The State of Law: Comparative Perspectives on the Rule of Law in Germany and Vietnam*. De Gruyter, truy cập tại: [https://library.oapen.org/bitstream/handle/20.500.12657/59613/10.1515_9783110720358.pdf?sequence=1](https://library.oapen.org/bitstream/handle/20.500.12657/59613/10.1515_9783110720358.pdf?sequence=1#page=67) #page=67, ngày truy cập 15/9/2024

tuân thủ theo các quy tắc đạo đức bắt buộc và phải có nghĩa vụ đối với cộng đồng, quốc gia³.

Hệ thống pháp luật Pháp dần được cấy ghép và chuyển hoá vào hệ thống pháp luật truyền thống của Việt Nam thông qua sự “cưỡng ép” với các biện pháp quân sự và ngoại giao. Bốn hiệp ước bất bình đẳng vào các năm Nhâm Tuất (1862), Giáp Tuất (1874), Harmand (1883), Patenôte (1884), cùng với đó là Dụ chấp nhận nhượng bộ ba tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng cho người Pháp dưới thời kỳ của vua Đồng Khánh đã tạo nên cơ sở pháp lý cho sự can thiệp của người Pháp về mặt pháp lý. Những Hiệp định này đã tạo nên những khu vực lãnh thổ với những quy chế pháp lý khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, mỗi vùng sẽ có những quy chế riêng nhằm làm giảm đi sự liên kết của người dân với phần còn lại của đất nước nhằm phục vụ cho chính sách chia để trị⁴. Người Pháp về cơ bản vẫn công nhận quyền chủ quyền của nhà Nguyễn ở những mức độ nhất định.

Mô hình cai trị mang tính chất trực tiếp hay bảo hộ là vấn đề gây tranh cãi và chia rẽ lớn trong chính quyền của nước Pháp trong chính sách cai trị thuộc địa giữa hai phe ủng hộ thuyết cai trị trực tiếp của Arthur Giraul và phe lựa chọn phương thức bảo hộ của Quai d'Orsay⁵. Cả hai hệ thống này đều cố chứng tỏ phương thức tiếp cận của mình hiệu quả hơn so với hệ thống còn lại. Xu hướng cai trị trực tiếp trong thời gian đầu chiếm những ưu thế trong chính sách cai trị ở khu vực. Trong giai đoạn ban đầu, người Pháp đã chủ trương áp dụng pháp luật của mình một cách triệt để trên lãnh thổ của Việt Nam theo xu hướng “đồng hoá”. Quá trình này được áp đặt đầu tiên tại Nam Kỳ với sự ra đời của Bộ Dân luật giản yếu được xây dựng trên nền tảng bộ luật Dân sự Napoleon 1804 và hạn chế sử dụng các thiết chế truyền thống. Đối với các khu vực Bắc kỳ và Trung Kỳ, người Pháp tìm những phương thức để nhằm giảm đi quyền lực của nhà Vua cũng như của triều đình nhà Nguyễn. Hiệp ước năm 1874 đã làm giảm quyền hành của chính quyền nhà Nguyễn thông qua việc ban hành những quy định quyền hạn của người Pháp trong các chế độ bảo hộ, thuộc địa. Hiệp ước Harmand với 27 điều khoản được ký kết vào năm 1883 và năm 1884 đã phân lãnh thổ Việt Nam thành ba Kỳ với ba quy chế khác nhau Bắc kỳ (nửa bảo hộ); Trung Kỳ (bảo hộ) và Nam Kỳ (thuộc địa). Thảm quyền của chính quyền nhà Nguyễn chỉ còn tồn tại mức hạn chế ở khu vực Trung Kỳ. Theo Hiệp ước Harmand năm 1883 quy định Khâm sứ Trung kỳ có quyền được

³ Wilhelm (1967), Li Gi, Aus dem Chinesischen übertragen und erläutert, Düsseldorf, tr.35.

⁴ Vũ Quốc Thông (1968), *Pháp chế sử*, Sài Gòn, tr.399.

⁵ Pierre Brocheux, Daniel Hémery (2001), *Đông Dương, một nền thuộc địa nhập nhằng*. Giai đoạn 1858 – 1954, (Dịch Phạm Văn Tuấn), Nhà xuất bản Omega+, Hà Nội, tr.112

thay mặt Pháp bên cạnh nhà Vua, có quyền gặp nhà Vua lúc cần thiết. Tại Trung kỳ, Khâm sứ Trung kỳ dần dần áp quyền lực và chức năng trước đây thuộc về các quan triều Nguyễn như viện Cơ mật, Hội đồng phụ chính, Nội các⁶. Ngoài ra, Khâm sứ Trung kỳ còn giám sát các sắc lệnh và chiếu chỉ, kiểm soát các công trình công cộng, tài chính, quân đội và các bộ khác nhau. Chính Khâm sứ Trung kỳ, ngay từ năm 1898 đã tuyên bố trong tờ Thông tư ngày 24/8/1898 rằng: "từ nay trên Vương quốc An Nam không còn tồn tại hai chính quyền nữa, mà chỉ có một chính quyền duy nhất thôi"⁷. Ở Bắc Kỳ, Thống sứ Bắc kỳ chịu trách nhiệm trong việc giám sát quan lại và có quyền xây dựng bộ máy quan lại bản xứ. Các quan lại cũ của triều đình Huế dần bị thay thế bởi các viên chức người Pháp hoặc người Việt do người Pháp đào tạo. Các quy định, pháp luật do chính quyền nhà Nguyễn ban hành đều ít nhiều chịu sự giám sát của người Pháp. Thấm quyền của chính quyền nhà Nguyễn chỉ còn lại tương đối hạn chế trong khu vực Trung kỳ.

Tuy nhiên, đến năm 1889, xu hướng cai trị gặp phải những khó khăn lớn về kinh phí thực hiện, sự chống đối của người dân và những khác biệt về ngôn ngữ. Do đó, quá trình áp đặt chế độ pháp lý của thực dân Pháp dần chuyển từ "đồng hoá" sang xu hướng "liên hiệp hoá". Năm 1887, sự hình thành của Liên bang Đông Dương đã tạo nên xu hướng "liên hiệp hóa" trong hệ thống pháp luật. Theo đó, "sứ mệnh khai hóa" thực sự của người Pháp tại Đông Dương chủ yếu là để bảo tồn các truyền thống quý giá và kho tàng văn hóa của khu vực, và chỉ đứng sau, nếu có, là mở cửa cho quá trình hiện đại hóa một cách thận trọng⁸. Chính sách này nhằm tạo ra một mối quan hệ gắn bó chặt chẽ hơn giữa các quốc gia thuộc địa nhưng vẫn dưới sự kiểm soát của Pháp, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp lý. Các bộ luật Dân sự, Hình sự do chính quyền Pháp ban hành hoặc buộc triều đình Huế ban hành ra đời và được áp dụng thống nhất trong lãnh thổ. Đối với truyền thống, tập tục ở các địa phương, cộng đồng dân cư vẫn được người Pháp tôn trọng và cho phép thực hiện.. Chẳng hạn, các điều khoản về khế ước và nghĩa vụ hay các vấn đề về thừa kế đều không được Bộ Dân luật Nam kỳ giản yếu quy định. Khi giải quyết vấn đề này các thẩm phán buộc phải tìm đến các quy định của Luật Gia Long

⁶ Brötzel, D. (1971), *Fransösischer imperialismus in Indochina* [French Imperialism in Indochina], *Freiburg, Germany: Atlantis*, tr.210

⁷ Arthur Girault dẫn lại trong cuốn: *Principes de colonisation et de législation coloniale*, Tome II, 5^e édition, 2^e Partie, Librairie du Recueil Sirey, Paris, 1929, tr.703

⁸ Briesen, D. (2017), *The French "État legale" in Vietnam, Between Legal Pluralism and Police State*, von Alemanni, U., Quoc Khanh, L., & Briesen, D. (2017), *The State of Law: Comparative Perspectives on the Rule of Law in Germany and Vietnam*. De Gruyter. Truy cập tại: https://library.oapen.org/bitstream/handle/20.500.12657/59613/10.1515_9783110720358.pdf?sequence=1#page=67, ngày truy cập 15/9/2024, tr 84.

hoặc các tập quán. Trái ngược với hoạt động lập pháp hạn chế tập tục và truyền thống của Nam kỳ, quá trình pháp điển hoá ở Bắc Kỳ và Trung kỳ cho thấy những sự cân nhắc sử dụng rõ rệt các tập quán so với các nguồn luật khác. Pháp điển hoá ở Bắc kỳ đã đưa lại những kết quả tốt nhất⁹ với bộ luật được ban hành trong các lĩnh vực khác nhau. Chính sách bài xích phương Tây của triều Nguyễn đã không tạo nên sự tiếp nhận tự nguyện nào, kể cả trong khuôn khổ tư tưởng. Bằng chứng là các Bộ luật Dân sự được ban hành ở Việt Nam vào các năm 1883, 1931, 1936 và các bộ luật khác đều do nhà cầm quyền thực dân Pháp ban hành¹⁰.

Tác động của hệ thống pháp luật Pháp làm nảy sinh những xung đột giữa các quan điểm, quy định pháp luật. Trong phạm vi Liên bang Đông Dương, hệ thống pháp luật tồn tại những điểm xung đột về thẩm quyền của Thống Đốc ở Nam kỳ, Khâm sứ ở Trung Kỳ và Thống sứ ở Bắc kỳ. Sự xung đột, phân mảnh trong các vấn đề liên quan đến chính quốc như thương nhân Đông Dương, các nhà công nghiệp người Pháp và các nhà Truyền Đạo¹¹. Các quy định pháp luật của người Pháp cũng xung đột với hệ thống pháp luật truyền thống, quy tắc làng xã và các hương ước của các thôn, làng, xã tại Việt Nam. Chế độ kết hôn, cơ sở quan trọng của chế độ gia đình của Việt Nam dưới tác động của người Pháp đã có những thay đổi rất lớn khi có những quy định mang tính chất Tây hoá, trái ngược lại với quyền lợi và bản chất của nền văn hoá của Việt Nam. Đối với khu vực Nam kỳ, “giá thú (hay hôn thú) là sự phối hợp của một người đàn ông và một người đàn bà theo thể thức luật định”¹². Điều này trái ngược với quan niệm truyền thống pháp luật của người Việt (theo Điều 314 Quốc Triều Hình Luật đã đặt quan hệ hôn nhân phải có sự đồng ý của cha mẹ). Trong hệ thống pháp luật thuộc địa dần hình thành sự đa nguyên với nhiều hệ thống pháp luật cùng tồn tại trong một tổng thể chung đứng đầu là hệ thống pháp luật được ban hành bởi chính quyền thực dân.

3. Tính đa nguyên trong hệ thống pháp luật Việt Nam trong thời kỳ thực dân

⁹ Ngô Bá Thành, L'originalité du droit vietnamien et la réception des droits étrangers au Vietnam: droit chinois au début de l'ère chrétienne et droit français au XIXème siècle, Deuxième partie, Nhà Pháp luật Việt – Pháp in lại, Deuxième partie 2004, tr.11.

¹⁰ Đào Trí Úc (2016), Mối quan hệ của pháp luật Việt Nam và pháp luật Pháp xét từ logic của sự tiếp nhận và chuyển hoá Pháp luật, De Raulin, A. (2016). *Ảnh hưởng của truyền thống pháp luật Pháp tới pháp luật Việt Nam*, Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.20.

¹¹ Briesen, D. (2017), The French “État legale” in Vietnam. Between Legal Pluralism and Police State, von Alemanni, U., Quoc Khanh, L., & Briesen, D. (2017). *The State of Law: Comparative Perspectives on the Rule of Law in Germany and Vietnam*. De Gruyter. Truy cập tại: https://library.oapen.org/bitstream/handle/20.500.12657/59613/10.1515_9783110720358.pdf?sequence=1#page=67, ngày truy cập 15/9/2024, tr.83

¹² Nguyễn Quang Quýnh (1968), *Dân luật*. Quyển 1 Bộ văn hoá giáo dục, Nhà xuất bản Viện đại học Cần Thơ, tr.239.

Chủ nghĩa thực dân Pháp đã mang lại những khung khổ chính trị - pháp lý cho sự phát triển của đa nguyên pháp lý tại Việt Nam. Tính đa nguyên trong pháp lý được thể hiện dưới dạng tập hợp các hệ thống hoặc phạm vi pháp lý "xếp chồng" lẫn nhau trong cùng một tổng thể hệ thống pháp luật¹³. Hệ thống pháp luật ở Đông Dương mang những dấu hiệu của sự đa nguyên khi ở đó luật nhà nước và "luật phi nhà nước" đều là một bộ phận, một lớp cấu thành hệ thống pháp luật. Các hệ thống này đều tồn tại như một bộ phận cấu thành của hệ thống tổng thể có vai trò thúc đẩy quá trình định hình và áp dụng các hệ thống pháp luật với nhau tại Đông Dương. Một trật tự pháp lý đa nguyên mạnh được hình thành ở Việt Nam với nhiều hệ thống pháp luật cùng tồn tại và luật nhà nước đóng vai trò trung tâm.

3.1. Hệ thống pháp luật thực dân và hệ thống pháp luật truyền thống của Việt Nam

Nghiên cứu về hệ thống pháp luật thuộc địa ở Việt Nam cần nhìn nhận sự mối quan hệ của hệ thống pháp luật truyền thống và pháp luật của chính quyền thực dân. Việt Nam là quốc gia có hệ thống văn hoá đa dạng với những cộng đồng người khác biệt về hệ thống tổ chức, sản xuất, lao động,... được tổ chức theo các đơn vị quần cư nhỏ như làng. Sự tồn tại và phát triển lâu dài của những cộng đồng người ở Việt Nam đã tạo nên hệ thống luật tục tồn tại bên cạnh hệ thống pháp luật của chính quyền trung ương. Hệ thống luật tục này bao gồm những quy định được xây dựng trên những kinh nghiệm, giá trị đạo đức của cư dân bản địa. Unger mô tả luật tục là các mô hình tương tác mà các nghĩa vụ đạo đức gắn liền¹⁴. Bên cạnh luật tục, quy định của các thôn, làng xã cũng là một nguồn luật quan trọng. Sự phát triển lâu dài đã tạo cho các làng xã những Làng xã ở Việt Nam đóng vai trò như một đơn vị hành chính và một đơn vị xã hội. Các làng đã xây dựng hệ thống pháp luật phi nhà nước, thể hiện dưới dạng truyền miệng, hoặc văn bản như các bản hương ước của làng xã. Các quy tắc này trong một số trường hợp có sự độc lập nhất định so với quy định của pháp luật do trung ương ban hành.

Những quy định pháp luật của người Việt chủ yếu liên quan đến các quan hệ về gia đình và cộng đồng. Hệ thống pháp luật truyền thống đề cao quyền của người gia trưởng trong gia đình, đặt quyền lợi của cộng đồng lên trên so với quyền lợi cá nhân nhằm đảm bảo sự hài hoà trong gia đình, làng xã, xã hội¹⁵. Nội dung các quy định này

¹³ Benton, L. (2002), *Law and colonial cultures: Legal regimes in world history, 1400-1900*, Cambridge University Press, Anh, tr.8.

¹⁴ Barber, C. T., Roberto Mangabeira Unger (1976), *Knowledge and Politics*, New York: The Free Press, *The ANNALS of the American Academy of Political and Social Science*, số 426(1), tr.235.

¹⁵ Phan Thi Dác (1966), *Situation de La Personne au Viet-Nam*, FeniXX, Paris, tr13.

bị ảnh hưởng bởi các nguyên tắc đạo đức, truyền thống, thể hiện sự thống nhất đối với các lĩnh vực hành chính, tư pháp, tài chính và các vấn đề khác¹⁶. Hệ thống luật của các làng xã sử dụng các tập quán chủ yếu tập trung điều chỉnh vấn đề trật tự công cộng, hướng tới xây dựng một xã hội hài hoà. Tại các làng xã, luật phi chính thức được sử dụng trong việc giải quyết các mâu thuẫn và bất bình đẳng. Bất bình đẳng xã hội được điều chỉnh bằng phương thức hoà giải, tương trợ và gấn bó lẫn nhau¹⁷. Thay vì viện dẫn đến các quy định pháp luật chính thức, các toà án, người dân thường ưu tiên sử dụng hoà giải được ưu tiên sử dụng. Hệ thống pháp luật phi chính thức này tồn tại và trở thành một bộ phận trong hệ thống pháp luật truyền thống của Việt Nam.

Bên cạnh hệ thống pháp luật phi chính thức của các địa phương là hệ thống pháp luật chính thức do nhà nước thức dân ban hành và áp dụng trên lãnh thổ thuộc địa. Trong thời gian đầu, người Pháp đã cố gắng áp dụng các quy tắc, pháp luật của mình vào các làng xã tại Việt Nam. Tuy nhiên, người Pháp không đạt được những hiệu quả nhất định và buộc phải thay đổi cách thức tiếp cận trong việc xây dựng hệ thống pháp luật tại đây. Điều này được chính toàn quyền Đông Dương Paul Doumer xác nhận: “Ở Nam Kỳ, chúng ta đã hành động theo kiểu thực dân thiếu kinh nghiệm, và chúng ta đã đưa vào đó, chừng nào có thể, những quy chế hành chính của chính quốc, làng xã An Nam ở đó đã mất đi một phần lớn quyền tự trị. Những bất lợi nảy sinh từ đó bộc lộ rõ ràng”¹⁸. Người Pháp buộc phải lựa chọn phương thức tiếp cận chấp nhận tính đa nguyên trong nguồn luật và tôn trọng sự tồn tại của các quy định luật tục bên cạnh hệ thống pháp luật do nhà nước ban hành để đảm bảo tính hài hoà, phù hợp của hệ thống pháp luật thuộc địa với hệ thống pháp luật vốn tồn tại ở Việt Nam. Điều này được thể hiện tương đối rõ ràng trong các văn bản đề cập đến nội dung của các bộ luật dân sự được ban hành tại Đông Dương. Dự thảo Bộ luật dân sự Bắc Kỳ năm 1917 “Điều quan trọng là cần tìm ra sự dung chúc hợp giữa luật An Nam và những nguyên tắc căn bản của một xã hội có tổ chức”¹⁹. Các quy định về truyền thống liên quan đến gia đình, thành viên trong các làng xã chỉ bị thay đổi tương đối chậm và hạn chế. Các chế định truyền thống

¹⁶ Vu The Quyen (1977), *Die vietnamesische Gesellschaft im Wandel, Kolonialismus und gesellschaftliche Entwicklung in Vietnam*, tr.72.

¹⁷ Pierre Brocheux, Daniel Hémerly (2001), *Đông Dương, một nền thuộc địa nhập nhằng. Giai đoạn 1858 – 1954*. Dịch Phạm Văn Tuấn, Nhà xuất bản Omega+, Hà Nội, tr.20.

¹⁸ Doumer, P. (1905), *L'Indo-Chine française (souvenirs)*, Vuibert et Nony, dịch bởi (Lưu Đình Tuấn, Hiệu Constant, Lê Đình Chi, Hoàng Long, Vũ Thuý, dịch), Hà Nội, NXB Thế Giới, tr. 271.

¹⁹ Rapport du 10 avril 1917 de L. Marty, trích theo Jean-Christophe Careghi, “Thân phận pháp lý của người Việt Nam tại Đông Dương từ năm 1887 đến năm 1954”, Lời nói đầu của Antoine Leca, Khoa Luật và Khoa học Chính trị Aix-Marseille, Trung tâm Lịch sử Luật Châu Âu (CEPHIDE), Hội xuất bản văn bản lịch sử pháp lý Pháp, Bộ sưu tập Lịch sử Luật, loạt “Luận án và Công trình” số 4, Nhà xuất bản Đại học Aix-Marseille.

về tài sản thờ cúng, hôn nhân, nhận con nuôi, thừa kế, đăng ký sở hữu đất đai hầu như không được đề cập trong các bộ luật mới của người Pháp. Pháp luật thuộc địa được xây dựng bởi thực dân Pháp được áp dụng dung hoà và giao thoa với các quy định truyền thống của người Việt. Ngoài ra, với các nhóm cộng đồng có văn hoá khác biệt, người Pháp chủ trương cho phép áp dụng những luật tục của dân tộc đó. Theo Điều 4 của bộ luật dân sự Bắc Kỳ khẳng định “khi nào không có điều luật dẫn dụng được, thẩm phán sẽ xử theo lệ và tục lệ”. Như vậy, trong trường hợp không có quy định pháp luật rõ ràng, các tục lệ địa phương có thể được áp dụng. Trong bối cảnh nhiều quy định của pháp luật chưa được hoàn thiện để phục vụ cho nhu cầu của nhà nước, luật tục trở thành nguồn bổ trợ cho pháp luật. Việc cho phép sự tồn tại của đa dạng các nguồn luật, và trật tự pháp lý cho thấy người Pháp đã lựa chọn cách tiếp cận chấp nhận tính đa nguyên trong hệ thống pháp luật thuộc địa.

Bên cạnh đó, các Toà án của Pháp cũng cân nhắc việc áp dụng án lệ tại Việt Nam. Đặc điểm này cho thấy sự khác biệt với tính chất của hệ thống dân luật của hệ thống pháp luật Pháp. Vấn đề này dường như xuất phát từ nhu cầu của chính quyền thuộc địa cần một hệ thống án lệ để bổ sung cho những khiếm khuyết mà quá trình pháp điển hoá chưa thể lấp đầy được. Cách sử dụng nguồn luật này cho thấy được sự linh hoạt trong tiếp cận, áp dụng và mở rộng hệ thống pháp luật của người Pháp tại Đông Dương. Các nguồn luật được áp dụng đa dạng cho các quan hệ pháp luật khác nhau ở Đông Dương là dấu hiệu của sự đa nguyên trong hệ thống pháp luật.

3.2. Đa nguyên trong tư duy pháp lý

Thời kỳ thực dân chứng kiến sự mở ra những khái niệm pháp lý mới có ảnh hưởng sâu rộng đối với tư duy về luật pháp và quản lý xã hội của người Việt. Tuy nhiên, dù bị áp đặt bởi thực dân, tư duy pháp lý của người Việt vẫn không thể tách rời khỏi các tư duy pháp lý truyền thống gắn liền với đạo đức, lễ nghĩa, và cộng đồng.

Sự xâm lược của thực dân Pháp vào đầu thế kỷ XIX đã tạo ra một bước ngoặt lớn trong nền pháp lý của Việt Nam. Trước khi tiếp xúc với hệ thống pháp lý phương Tây, người Việt chủ yếu sống dưới các quy định của các bộ luật phong kiến, trong đó các quy tắc xã hội được duy trì thông qua các mối quan hệ cộng đồng và các nguyên tắc đạo đức truyền thống. Hệ thống pháp luật Pháp được xây dựng trên cơ sở nền tảng tư duy pháp lý phương Tây, nhấn mạnh về tính hệ thống, chặt chẽ và rõ ràng. Pháp luật được coi là công cụ quan trọng để nhà nước duy trì trật tự xã hội và quyền lợi của nhân dân. Đối với cá nhân, pháp luật nhấn mạnh quyền và nghĩa vụ của cá nhân, bảo vệ quyền sở hữu và tự do cá nhân. Sự hình thành hệ thống tư duy pháp lý thể hiện trong các vấn đề liên

quan đến tài sản và quyền sở hữu của cá nhân trong các bộ Dân luật được ban hành tại Việt Nam. Quyền sở hữu tư nhân được pháp luật bảo vệ, bao gồm quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản một cách tuyệt đối, miễn là không vi phạm các quy định pháp luật (Điều 462 Dân luật Bắc Kỳ và Điều 476 Dân luật Trung Kỳ). Bên cạnh đó, hàng loạt quy định về hợp đồng đã được ban hành, quy định các khái niệm và nguyên tắc liên quan đến hợp đồng (Điều 664 Dân luật Bắc Kỳ và Điều 698 Dân luật Trung Kỳ). Các vấn đề về hôn nhân gia đình, tài sản vợ chồng cũng dần được các bộ luật quy định một cách cụ thể bởi lẽ các quy định này liên quan chặt chẽ đến chế độ tài sản, thu thuế và quản lý đất đai. Tuy nhiên, sự áp dụng này có sự hạn chế khi các quyền lợi của người dân bản địa không được bảo vệ đúng mực. Hệ thống pháp luật của Pháp chủ yếu phục vụ lợi ích của thực dân, trong khi người dân Việt Nam vẫn phải sống dưới những điều kiện khắc nghiệt và bị kiểm soát chặt chẽ.

Mặc dù các khái niệm pháp lý phương Tây được áp đặt mạnh mẽ trong thời kỳ Pháp thuộc, các giá trị đạo đức, lễ nghĩa và cộng đồng vẫn được người Việt giữ gìn và duy trì trong suốt thời kỳ này. Các giá trị truyền thống được truyền dạy từ thế hệ này qua thế hệ khác, đặc biệt là trong gia đình và các mối quan hệ xã hội. Tư duy pháp luật truyền thống tại Việt Nam, nơi sở hữu thường dựa trên quyền tập thể hoặc quan hệ gia đình và bảo vệ quyền lực của Hoàng đế trong việc quy định những vấn đề can thiệp vào quyền sở hữu của các cá nhân vẫn được duy trì. Người dân Việt đã tạo ra những hình thức phản kháng bằng cách duy trì các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc, từ đó giữ vững tinh thần đoàn kết, chống lại sự áp bức của thực dân. Chính những giá trị này đã trở thành động lực mạnh mẽ trong các phong trào yêu nước và khởi nghĩa, như phong trào Cần Vương, để chống lại sự cai trị của thực dân Pháp.

Sự đa nguyên trong tư duy đã góp phần hình thành tư tưởng của các nhà cách mạng như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh với mong muốn xây dựng một hệ thống pháp luật vừa tiến bộ vừa phù hợp với các giá trị truyền thống của dân tộc. Nhờ sự du nhập và giao thoa này, nền pháp luật Việt Nam dần được định hình theo hướng hiện đại hơn, kết hợp các yếu tố pháp lý từ phương Tây và những giá trị truyền thống trong một cấu trúc pháp luật chung.

3.3. Tính đa nguyên trong phương thức áp dụng pháp luật thuộc địa

Người Pháp phân chia các nhóm cộng đồng ở Việt Nam thành nhóm có quốc tịch Pháp hoặc sinh ra ở vùng thuộc địa Pháp, người châu Âu (ngoài Pháp), người bản địa và người từ các quốc gia châu Á khác. Chỉ những người thuộc nhóm đầu tiên là có đầy đủ quyền công dân, đặc biệt là với việc bầu cử trực tiếp hoặc gián tiếp. Trong lĩnh vực dân

sự, thương mại, người Việt Nam và châu Á được đặt dưới sự điều chỉnh của luật lệ ban hành bởi chính quyền nhà Nguyễn. Chế định dân sự và thương mại được áp dụng theo quy định của pháp luật truyền thống, nhất là với bộ luật Gia Long. Ở Nam Kỳ: “Luật Việt Nam điều chỉnh tất cả các thỏa thuận và tranh chấp dân sự thương mại giữa người bản địa và người châu Á”²⁰. Ở Bắc Kỳ: “Các luật và tập quán hiện hành được duy trì trong lĩnh vực dân sự”²¹. Đối với người Pháp và một số ngoại kiều được hưởng biệt đãi như người Pháp, người Việt Nam sinh ra trên vùng đất thuộc địa, được điều chỉnh bởi pháp luật Pháp và xét xử theo luật Pháp.

Sự đa nguyên trong chính trị pháp lý còn được thể hiện thông qua thẩm quyền giữa các cơ quan tài phán. Trong thời kỳ thuộc địa các Toà án do người Pháp lập nên bên cạnh các toà án Nam đã tạo những tiền đề cho tính đa nguyên trong thẩm quyền của các toà án này. Hệ thống toà án của nhà Nguyễn được đảm nhiệm bởi các quan lại hành chính nhà Nguyễn và đồng thời thực hiện các chức năng quản lý hành chính. Trong phiên toà xét xử truyền thống không có sự tồn tại của các khái niệm về đương sự, thủ tục tố tụng và luật sư và quá trình xét xử phụ thuộc nhiều vào đạo đức, công bằng của quan lại. Điều này gần như xa lạ với hệ thống toà án do người Pháp lập nên. Từ năm 1864, Chính phủ Pháp ban hành Sắc lệnh về tổ chức tư pháp tại các vùng thuộc Pháp tuyên bố Toà án Pháp sẽ áp dụng các bộ luật và Đạo luật của nước Pháp trên phạm vi ba tỉnh này.

Trật tự đa nguyên về hệ thống Toà án dẫn đến những sự cạnh tranh về thẩm quyền tài phán. Sự cạnh tranh quyền tài phán của các chính quyền thực dân với chính quyền sở tại là một đặc điểm phổ biến của trật tự thuộc địa²². Tại Nam Kỳ, trong thời gian đầu tồn tại hai hệ thống Toà án: Toà án Pháp chuyên xét xử người Pháp và những người có quốc tịch khác, kể cả trong trường hợp chỉ có một bên là người Pháp và toà án Nam chuyên xét xử những người Việt. Đối với các cơ quan Tư pháp tại Bắc kỳ và Trung kỳ, người Pháp tìm cách làm giảm hiệu quả, hiệu lực của hệ thống toà án bản địa thông qua việc xây dựng nên cho mình hệ thống các toà án ở các tỉnh dưới sự chỉ đạo của Công sứ Pháp và quan Án sát của người Việt. Trong các vụ án, Toà án sẽ Pháp có thẩm quyền xét xử của người Pháp; người được biệt đãi như người Pháp (công dân Châu Âu, Mỹ, Nhật,...); Người thuộc Pháp (Người Việt Nam sinh ra ở Nam kỳ và 3 thành phố nhượng

²⁰ Điều 18 Sắc lệnh ngày 25/7/1864 của Chính phủ Pháp.

²¹ Điều 3 của Nghị định tổ chức tư pháp ngày 01/11/1901 do do Toàn quyền Đông Dương ban hành.

²² Benton, L. (2002), *Law and colonial cultures: Legal regimes in world history, 1400-1900*, Cambridge University Press, Anh, tr.3

địa); hoặc các bên đều là người An Nam nhưng lựa chọn Toà án Pháp để giải quyết tranh chấp²³. Ưu thế về thẩm quyền nghiêng về hệ thống toà án của Pháp.

4. Tính đa nguyên và trật tự pháp luật quốc tế tại Việt Nam

Quá trình thực dân hoá của người Pháp dẫn đến những sự thay đổi về kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Từ một quốc gia khép kín về kinh tế và hạn chế về quan hệ quốc tế, Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc dần có tương tác khác nhau giữa những nhóm cộng đồng người với những nền văn hoá khác nhau như người Pháp, người Âu, người Trung Quốc, Nhật Bản,... Trước sự xuất hiện của các cộng đồng người nước ngoài, chính quyền thực dân Pháp cần phải đưa ra các quy định pháp luật.. Sự can thiệp của thực dân pháp mở ra những tiền đề cho sự chuyển hoá các quy định quốc tế và hình thành các trật tự quốc tế.

Thứ nhất, sự áp dụng thẩm quyền ngoài lãnh thổ của nước Pháp đối với một quốc gia có chủ quyền đã làm thay đổi quan điểm về trật tự pháp lý. Các vấn đề như quan niệm về quốc gia, chủ quyền quốc gia và mối liên hệ giữa chính quyền quốc gia và chính quyền thực dân dần được hình thành. Vấn đề này đã tái định hình lại những khái niệm truyền thống của hệ thống pháp luật Việt Nam về chủ quyền, quan niệm về quyền lực thống nhất và tuyệt đối của nhà Vua và triều đình trong toàn lãnh thổ.

Thứ hai, hoạt động của các nhà buôn, công ty do người Pháp hoặc người Việt lập nên, chủ đồn điền người Pháp đã thúc đẩy chính quyền thực dân hỗ trợ và mở rộng hệ thống pháp luật của Việt Nam. Những quy định về pháp luật về tài sản và pháp luật về hợp đồng được xây dựng cho hoạt động này dần có những sự chuyển biến mạnh mẽ, phù hợp hơn với các quan hệ quốc tế vừa nảy sinh. Khung khổ pháp lý này cho phép các cá nhân mang những quốc tịch khác nhau được tương tác với nhau, đặc biệt là trong các quan hệ về thương mại và dân sự.

Thứ ba, từ sự tương tác sâu sắc giữa các giá trị văn hóa và pháp lý của Pháp và Việt Nam thông qua nhiều hoạt động đa dạng như truyền đạo, cải đạo, cai trị, và đặc biệt là giáo dục, đã dần hình thành nên những kết nối liên văn hóa. Những hoạt động này tạo ra một cách thức hiểu biết lẫn nhau giữa hai nền văn hóa. Thông qua các hoạt động truyền bá tôn giáo, các nhà truyền giáo không chỉ đưa đến Việt Nam hệ thống tín ngưỡng mới mà còn đồng thời giới thiệu các giá trị pháp lý và đạo đức của phương Tây. Trong lĩnh vực giáo dục, việc xây dựng các trường học và hệ thống giáo dục theo mô hình Pháp tạo ra một môi trường học tập mới, nơi mà những giá trị về luật pháp và văn hóa phương Tây được truyền thụ trực tiếp cho thế hệ người Việt. Điều này tạo ra một lớp trí thức mới có khả năng nhìn nhận luật pháp không chỉ theo quan điểm truyền

²³ Vũ Quốc Thông (1968), *Pháp chế sử*, Sài Gòn, tr.399.

thông mà còn từ góc độ quốc tế, đặt nền móng cho sự phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam theo hướng hiện đại hóa.

5. Kết luận

Thế kỷ XIX, người Pháp đã thực hiện mở rộng ảnh hưởng hệ thống pháp luật ở Việt Nam. Chính sách mở rộng hệ thống pháp luật thực dân của người Pháp chuyển từ “đồng hoá” sang “liên hiệp hoá” vào đầu thế kỷ XX. Sự hình thành của hệ thống pháp luật thuộc địa bên cạnh hệ thống pháp luật bản địa đã tạo nên những sự đa nguyên của hệ thống pháp luật của Việt Nam. Hệ thống pháp luật đa nguyên này lấy hệ thống pháp luật do nhà nước ban hành làm trung tâm và cho phép sự áp dụng các tập quán, luật tục, quy tắc ứng xử của các cộng đồng. Nhờ vào những giao thoa liên văn hóa này, sự kết nối giữa các hệ thống pháp luật của phương Tây và Việt Nam được thiết lập, mang đến những thuận lợi lớn cho việc tiếp nhận và hình thành các nguyên tắc, hệ thống pháp luật quốc tế. Sự giao thoa văn hóa này giúp hệ thống pháp luật Việt Nam tiếp cận với những chuẩn mực quốc tế, có khả năng hòa nhập với các hệ thống pháp luật quốc tế trong khi vẫn duy trì được những giá trị của pháp luật truyền thống.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barber, C. T., Roberto Mangabeira Unger (1976), *Knowledge and Politics*, số 426(1). New York: The Free Press, The ANNALS of the American Academy of Political and Social Science.
2. Benton, L. (2002), *Law and colonial cultures: Legal regimes in world history, 1400-1900*, Cambridge University Press.
3. Briesen, D. (2017), The French “État legale” in Vietnam. Between Legal Pluralism and Police State, von Alemanni, U., Quoc Khanh, L., & Briesen, D. (2017), *The State of Law: Comparative Perspectives on the Rule of Law in Germany and Vietnam*. De Gruyter. Truy cập tại: https://library.oapen.org/bitstream/handle/20.500.12657/59613/10.1515_9783110720358.pdf?sequence=1#page=67.
4. Brötel, D. (1971), *Fransösischer imperialismus in Indochina* [French Imperialism in Indochina], Freiburg, Germany: Atlantis.
5. Đào Trí Úc (2016), *Mối quan hệ của pháp luật việt nam và pháp luật Pháp xét từ logic của sự tiếp nhận và chuyển hoá Pháp luật*,
6. De Raulin, A. (2016). *Ảnh hưởng của truyền thống pháp luật Pháp tới pháp luật Việt Nam*, Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Doumer, P. (1905), *L'Indo-Chine française (souvenirs)*, Vuibert et Nony, dịch bởi (Luu Đình Tuấn, Hiệu Constant, Lê Đình Chi, Hoàng Long, Vũ Thuỷ, dịch), Hà Nội, NXB Thế Giới.
8. Girault (1923), *Principes de colonisation et de législation coloniale*, Les Colonies françaises depuis 1815 II, Paris.
9. Ngô Bá Thành (2004), *L'originalité du droit vietnamien et la réception des droits étrangers au Vietnam: droit chinois au début de l'ère chrétienne et droit français au XIXème siècle*, Deuxième partie, Nhà Pháp luật Việt – Pháp in lại, Deuxième partie.
10. Nguyễn Quang Quýnh (1968), *Dân luật. Quyển 1 Bộ văn hoá giáo dục, Cần Thơ*, Nhà xuất bản Viện đại học Cần thơ.
11. Phan Thi Dác (1966), *Situation de La Personne au Viet-Nam*, Paris.
12. Pierre Brocheux, Daniel Hémerly (2001), *Đông Dương, một nền thuộc địa nhập nhằng. Giai đoạn 1858 – 1954*. Dịch Phạm Văn Tuấn, Nhà xuất bản Omega+, Hà Nội, tr.112
13. Vũ Quốc Thông (1968), *Pháp chế sử, Sài Gòn*.
14. Vu The Quyen (1977), *Die vietnamesische Gesellschaft im Wandel, Kolonialismus und gesellschaftliche Entwicklung in Vietnam*, Köln.
15. Wilhelm (1967), Li Gi, *Aus dem Chinesischen übertragen und erläutert*, Düsseldorf.